



FPT POLYTECHNIC



BÀI 2
CSS (Cascading Style Sheet)

- ✓ Những khái niệm về website:
 - Thành phần của trang web
 - Tên miền, địa chỉ IP
 - Client – server
- ✓ Công việc thiết kế website
- ✓ Những kiến thức cơ bản về HTML

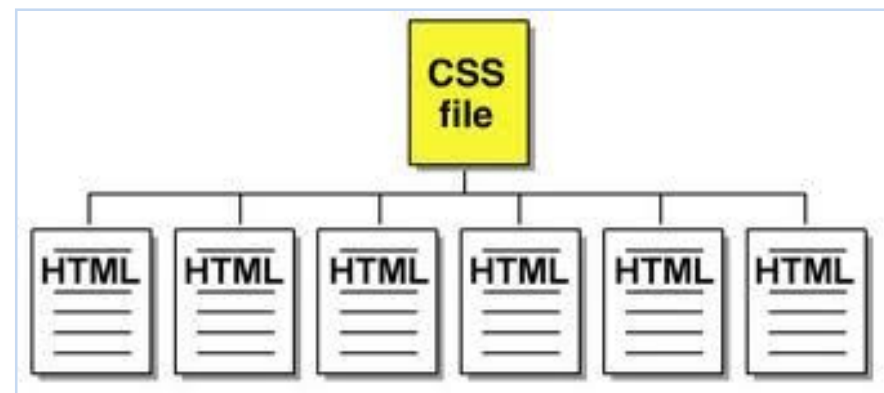
- ✓ Làm quen với CSS (Cascading Style Sheets)
- ✓ Khởi tạo CSS:
 - Khởi tạo với Notepad
 - Các cách viết CSS:
 - Embedded
 - Inline
 - Links
- ✓ Bố cục trang web với CSS

CSS (Cascading Style Sheet)



CSS (Cascading Style Sheet)

- ✓ Được sử dụng để thể hiện thêm các thuộc tính cho thành phần HTML
- ✓ Được thêm vào thành phần HTML bằng các cách sau:
 - Inline – được viết luôn trong thẻ HTML
 - Internal – viết trong thẻ <style> ở phần <head>
 - External – viết ở file .css bên ngoài



✓ Một số quy tắc của CSS:

- **Quy tắc kế thừa**: nếu luật CSS được áp dụng cho thẻ cha thì cũng được mặc định áp dụng cho các thẻ con/nội dung trong đó
- **Quy tắc tầng**: nếu có 2 luật CSS, một luật áp dụng cho thẻ cha và một luật áp dụng cho thẻ con thì luật thứ 2 sẽ được áp dụng cho thẻ con
- **Quy tắc dựa trên mức độ**: nếu có 2 luật CSS cùng được áp dụng cho một đối tượng, luật nào có giá trị weight/specific lớn hơn thì sẽ được áp dụng
- **Quy tắc !important**: nếu luật được thêm từ khóa "!important" thì nó sẽ được áp dụng, không phụ thuộc vào các quy tắc khác

✓ 4 loại thẻ chọn trong CSS:

- **Tags:** Đối tượng áp dụng luật là thẻ HTML
- **Classes:** Đối tượng áp dụng luật là các thẻ div thuộc class tương ứng
- **IDs:** Đối tượng áp dụng luật thẻ div có id tương ứng
- **Pseudo-class:** Đối tượng áp dụng luật là các lớp giả đã được định nghĩa sẵn như: link, active, hover,

✓ Inline style sheet:

- Chỉ áp dụng cho một lần xuất hiện của một phần tử HTML

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<body style="background-color:yellow;">
<h2 style="background-color:red;">This is a heading</h2>
<p style="background-color:green;">This is a paragraph.</p>
</body>
</html>
```

This is a heading

This is a paragraph.

✓ Internal style sheet:

- Được viết trong phần <head>
- Sử dụng trong thẻ <style>

```
<head>  
    <style type="text/css">  
        body {background-color:yellow;}  
        p {color:blue;}  
    </style>  
</head>
```

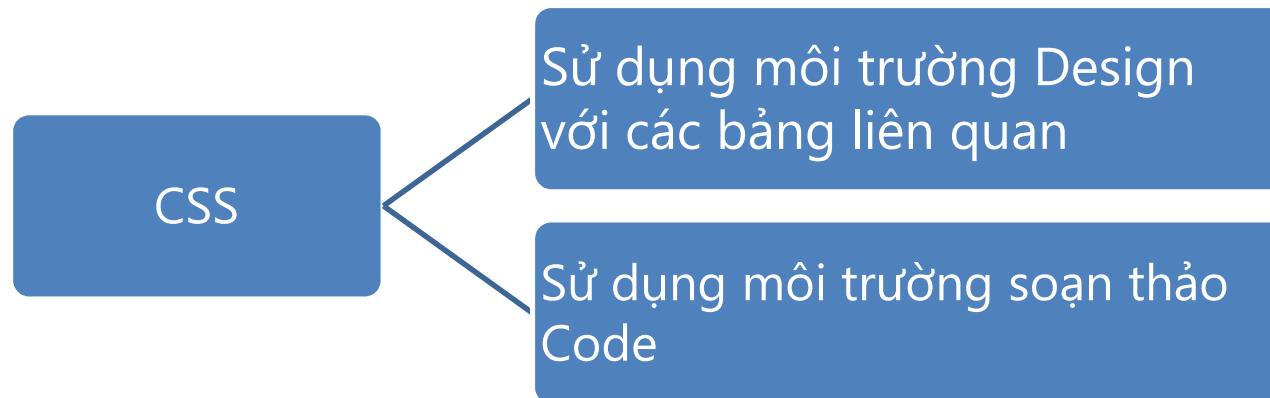
✓ External style sheet:

```
<head>  
<link rel="stylesheet" type="text/css" href="mystyle.css">  
</head>
```

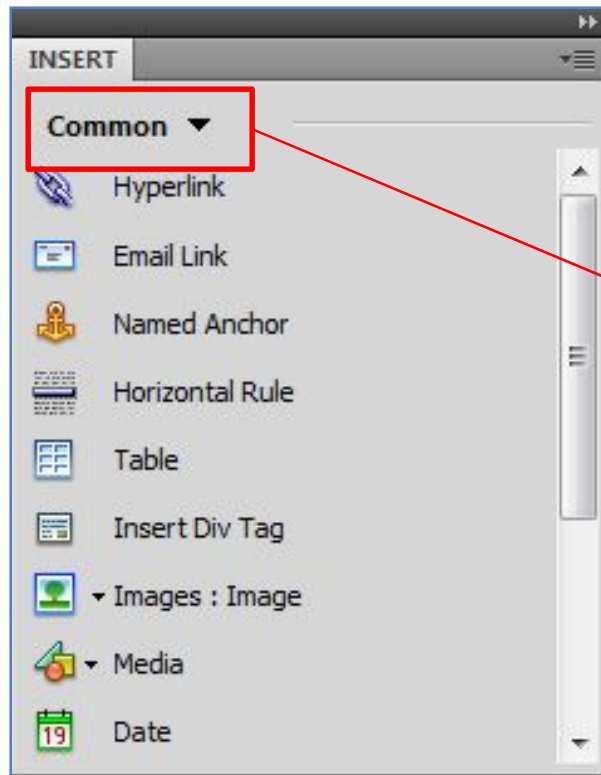
KHỞI TẠO CSS VỚI DREAMWEAVER CS4



✓ 2 cách tạo CSS trong Dreamweaver:



- ✓ Sử dụng môi trường Design với các bảng liên quan:
- ✓ 1. sử dụng bảng **INSERT** kết hợp với bảng **PROPERTIES**, hộp thoại **CSS Rule definition**

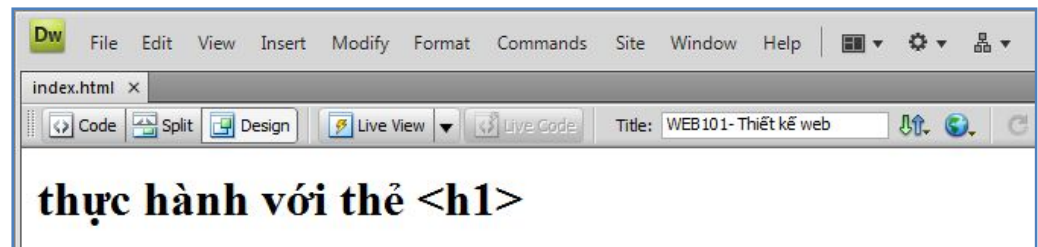
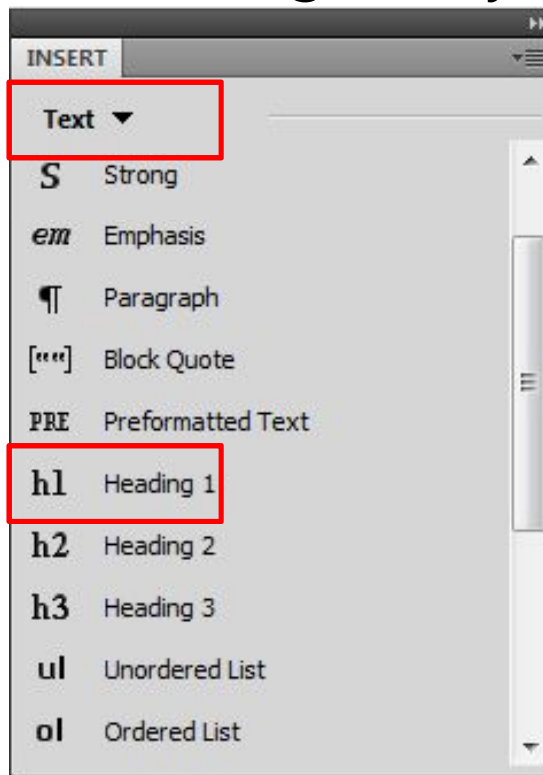


Common:
Layout
Forms
Data
Spry
InContext Edditing
Text
Favorites

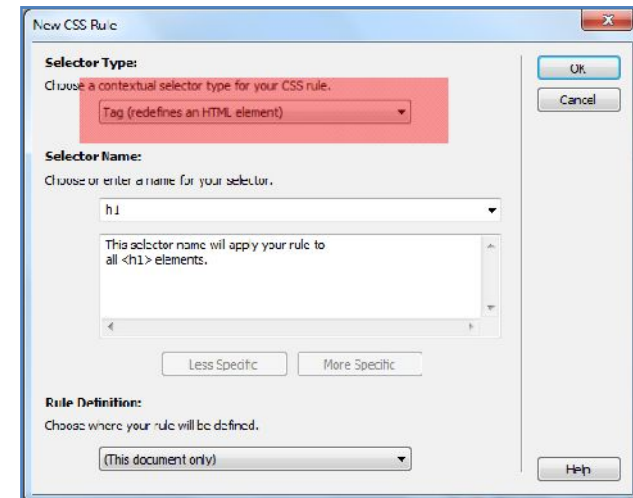
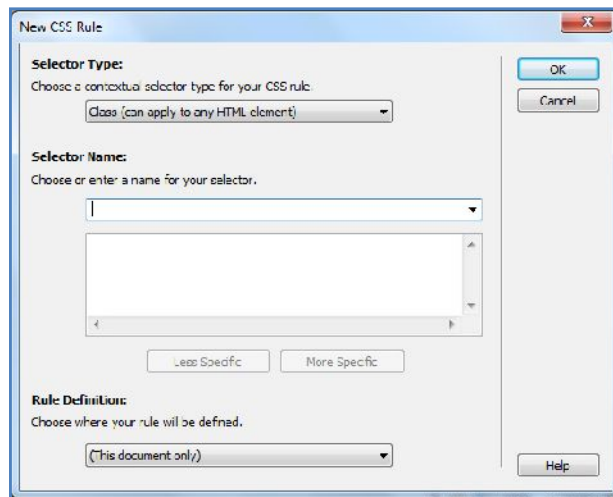
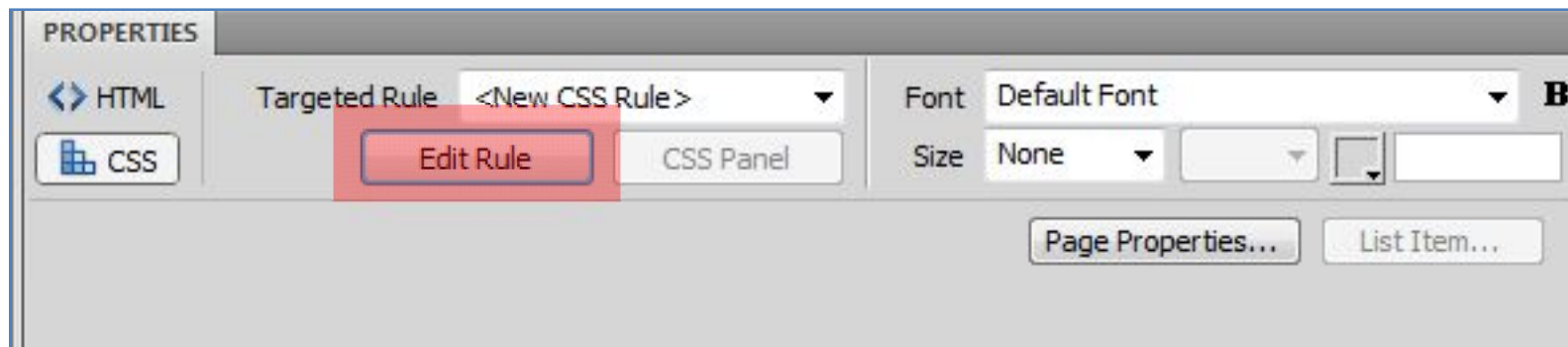
Cung cấp các chức năng cho phép chèn hình ảnh, form, nội dung đa phương tiện vào web

✓ Ví dụ: định nghĩa CSS cho thẻ <h1>:

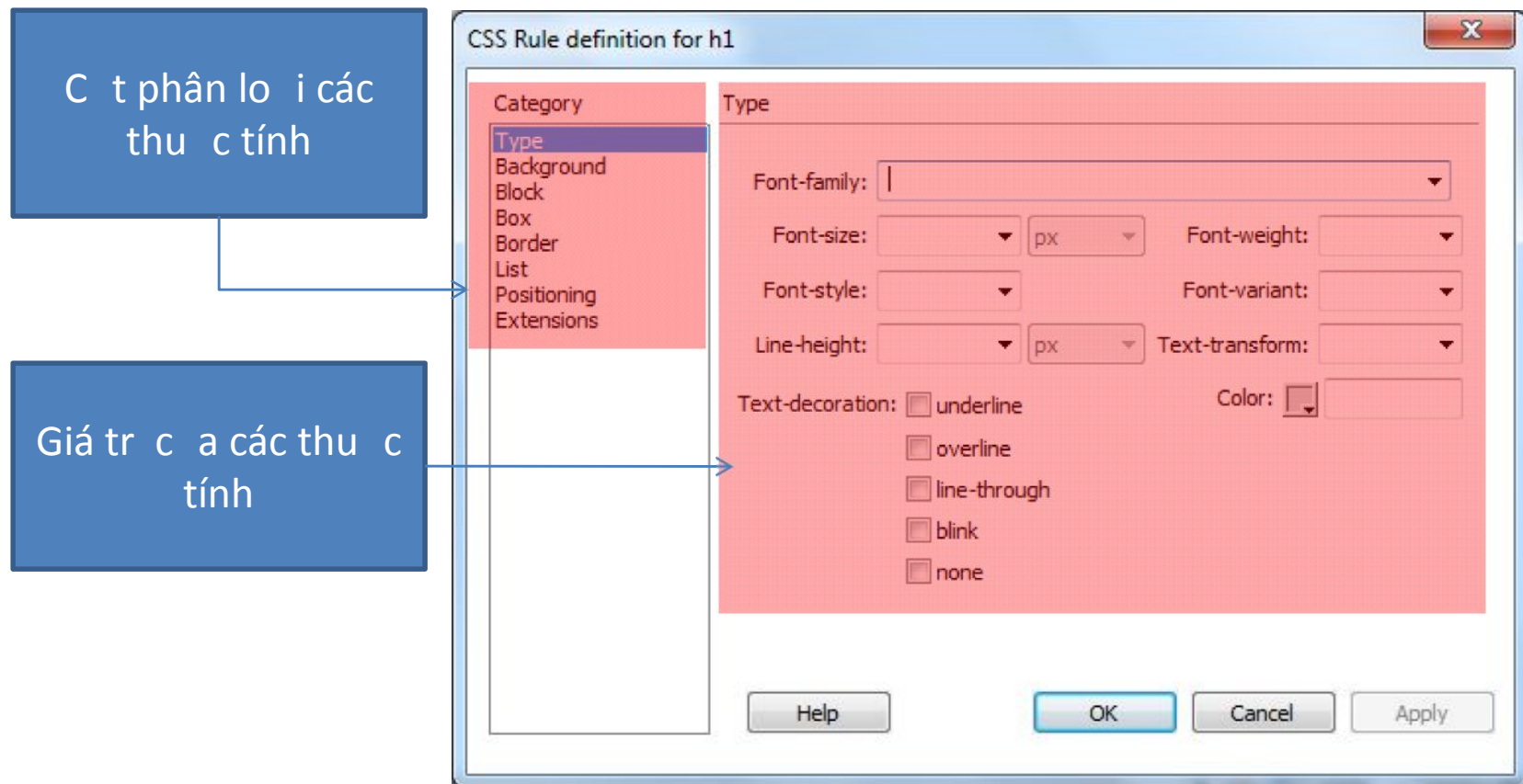
- Bước 1: sử dụng bảng INSERT chèn thẻ <h1>, nhập nội dung bất kỳ



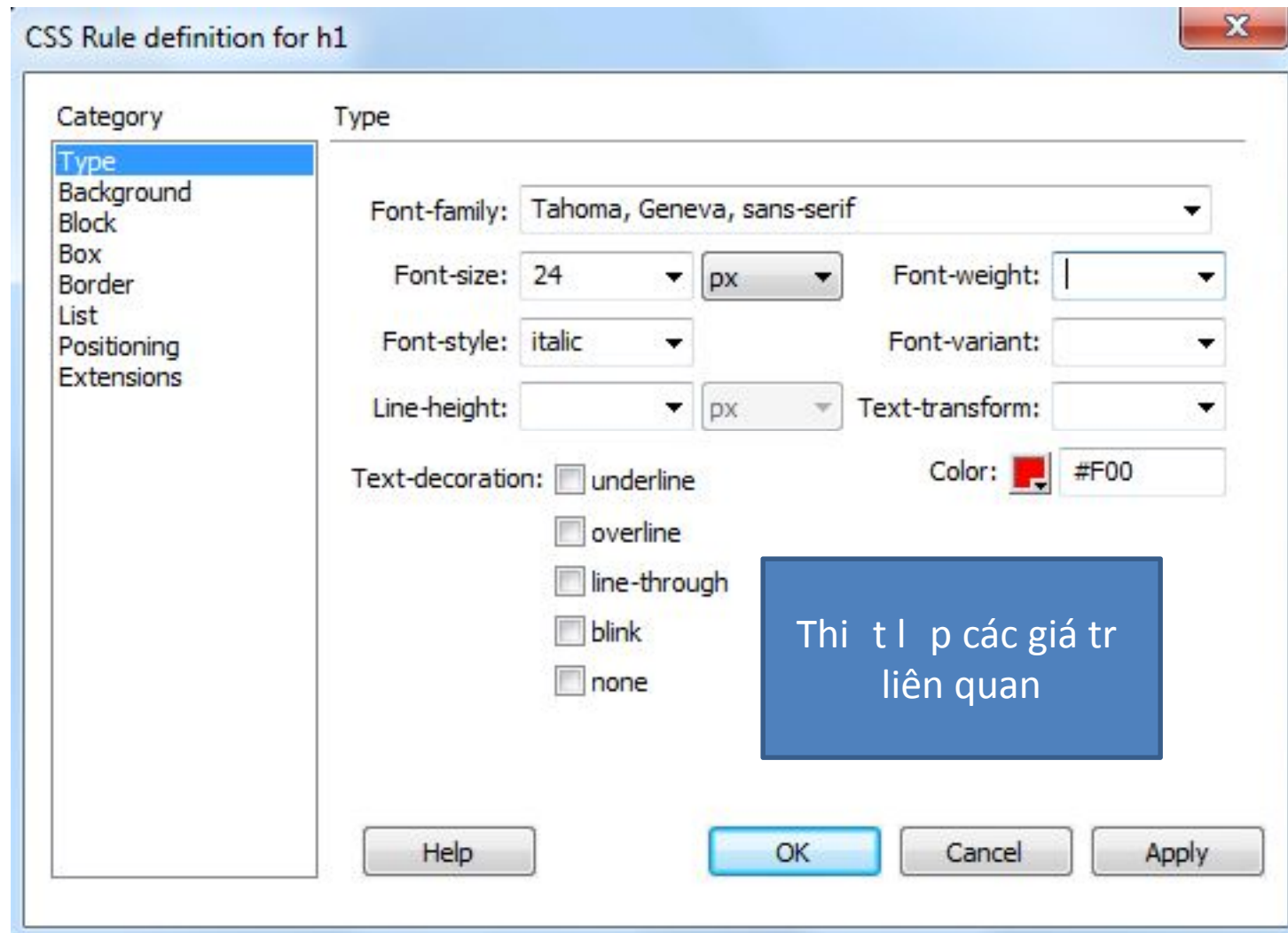
- Bước 2: nhấn nút Edit Rule trên bảng PROPERTIES để chỉnh sửa style (CSS) cho thẻ <h1>



- Bước 3: gán giá trị cho các thuộc tính trong hộp thoại CSS Rule definition



KHỞI TẠO CSS VỚI DREAMWEAVER CS4

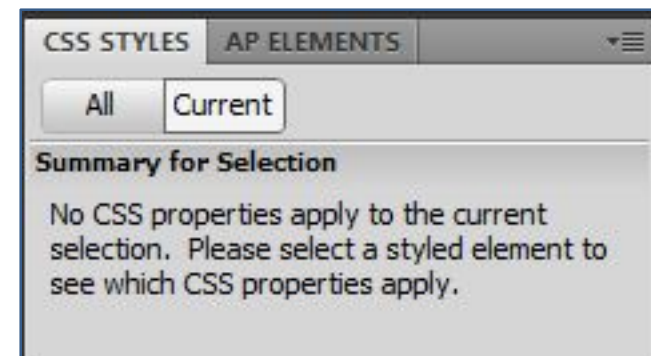


- Kết quả:



- Chỉnh sửa style với bảng CSS STYLES:

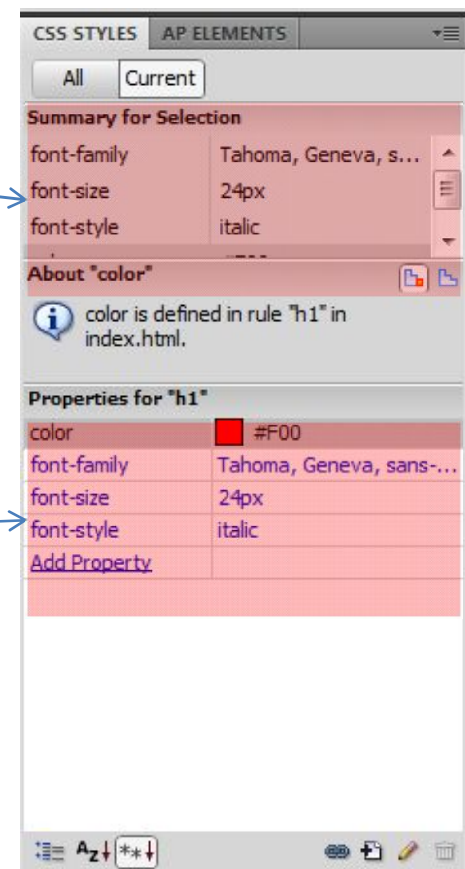
- Đây là bảng hiển thị toàn bộ thuộc tính của các thành phần trên web



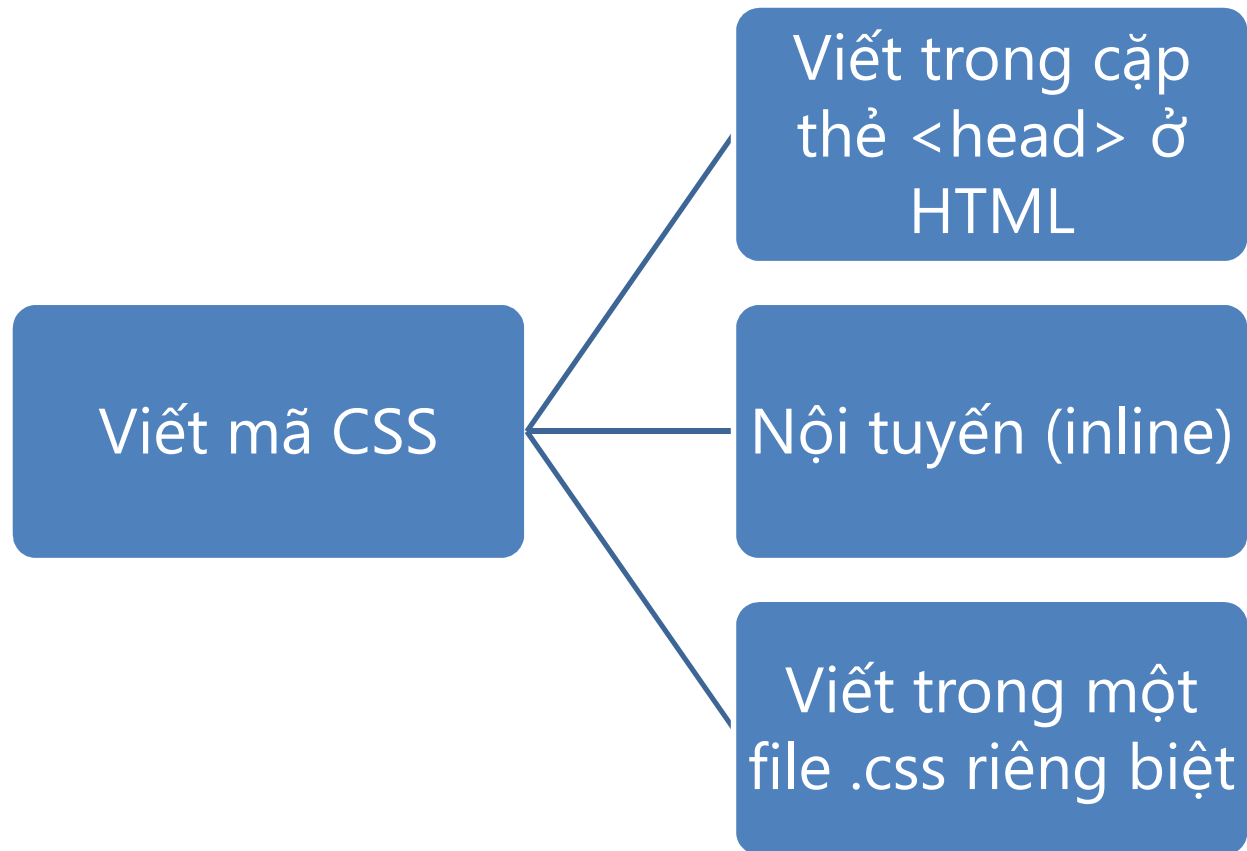
- Ví dụ: nhấn chuột chọn nội dung thẻ <h1>, thuộc tính và giá trị style của thẻ sẽ được hiển thị trên bảng CSS STYLES

Vùng hiển thị thuộc tính và giá trị

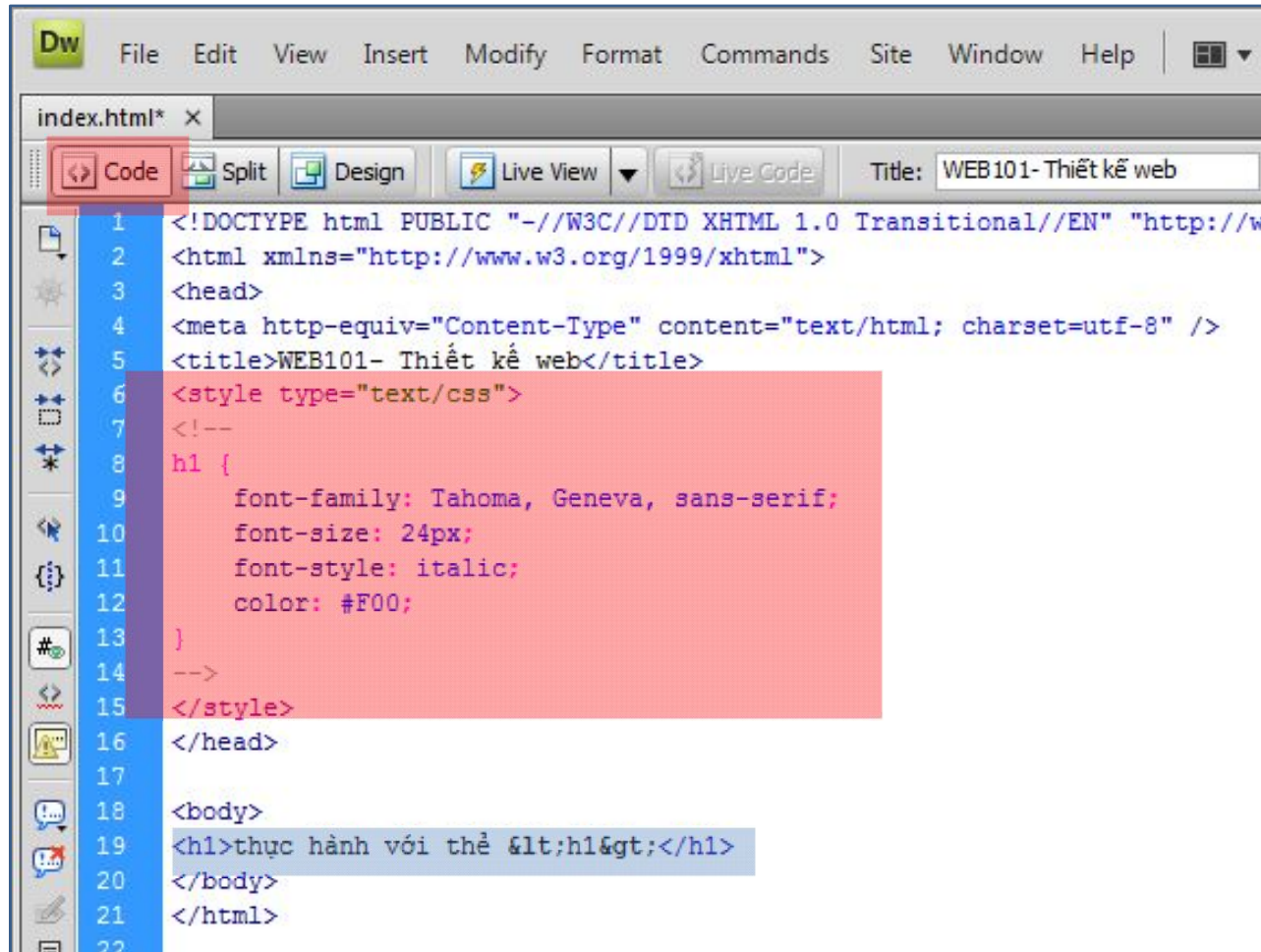
Vùng chứa sẵn giá trị của các thuộc tính



- ✓ Sử dụng môi trường soạn thảo mã Code:



- Viết CSS trong cặp thẻ <head>...</head>



The screenshot shows the Adobe Dreamweaver CS4 interface in Code view. The 'Code' tab is selected, and the 'Title' field shows 'WEB101- Thiết kế web'. The code editor displays the following HTML structure:

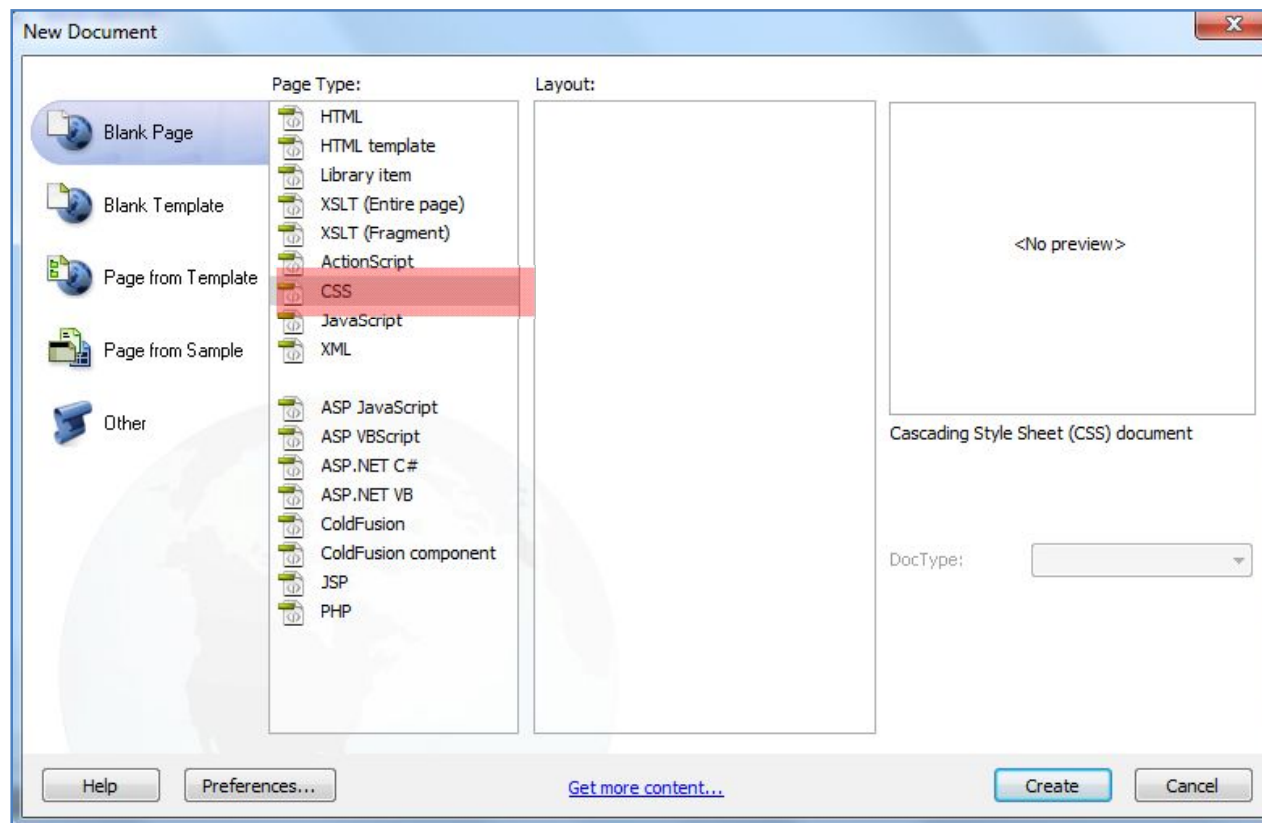
```
1 <!DOCTYPE html PUBLIC "-//W3C//DTD XHTML 1.0 Transitional//EN" "http://w
2 <html xmlns="http://www.w3.org/1999/xhtml">
3 <head>
4 <meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8" />
5 <title>WEB101- Thiết kế web</title>
6 <style type="text/css">
7 <!--
8 h1 {
9     font-family: Tahoma, Geneva, sans-serif;
10    font-size: 24px;
11    font-style: italic;
12    color: #F00;
13 }
14 -->
15 </style>
16 </head>
17
18 <body>
19 <h1>thực hành với thẻ <h1></h1>
20 </body>
21 </html>
22
```

- Viết CSS Inline

```
<html>  
<body>  
<h1 style="font-family:Tahoma, Geneva, sans-serif; font-size:24px; font-style:italic; color:#F00">thực hành với thẻ <h1></h1>  
</body>  
</html>
```



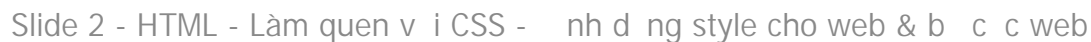
- Viết trong một file .css riêng biệt:
 - Bước 1: khởi tạo một file .css bằng cách lựa chọn File > New ... lựa chọn CSS trong hộp thoại New Document



-
- The screenshot shows the Adobe Dreamweaver application window. The top menu bar contains the following items: **Dw**, File, Edit, View, Insert, Modify, Format, and Commands. Below the menu bar, the title bar displays two tabs: **index.html** and **Untitled-3***. The toolbar below the tabs includes icons for **Code**, **Split**, **Design**, **Live View**, and **Live Code**. The main workspace area shows the CSS code for an **h1** element, with line numbers 1 through 6 on the left. The code is as follows:
- ```

1 h1 {
2 font-family: Tahoma, Geneva, sans-serif;
3 font-size: 24px;
4 font-style: italic;
5 color: #F00;
6 }

```





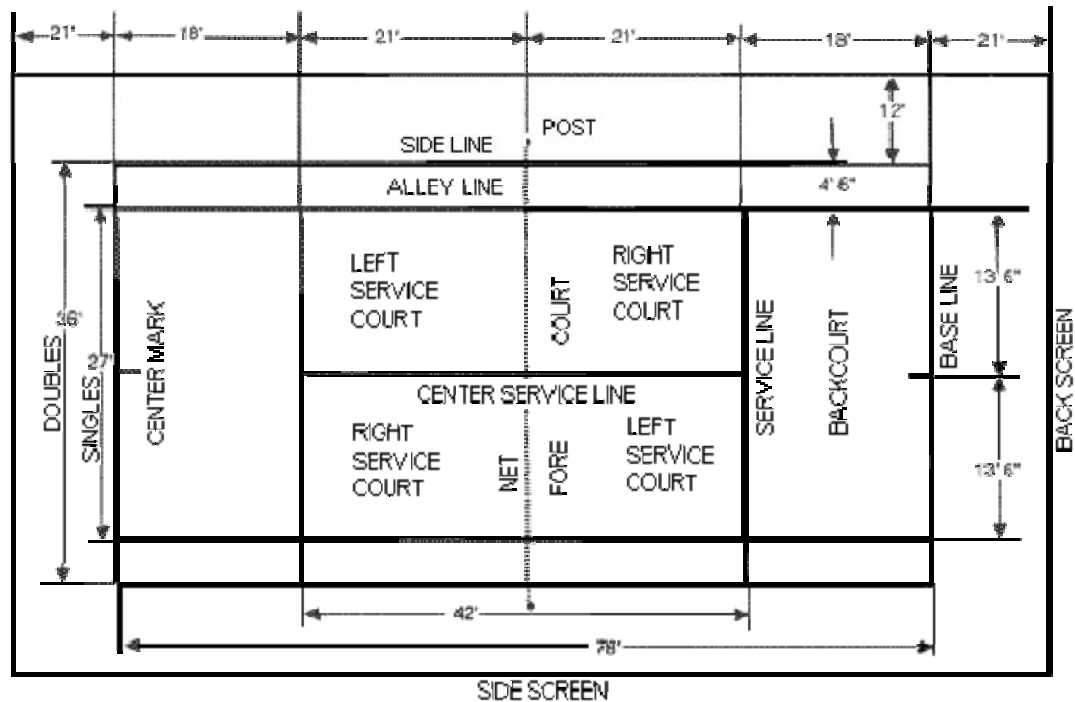
- Bước 3: trong file .html, viết lại như sau file .css

```
<head>
<meta http-equiv="Content-Type" content="text/html; charset=utf-8"
/>
<title>WEB101- Thiết kế web</title>
<link href="common.css" rel="stylesheet" type="text/css" />
</head>
<body>
<h1>thực hành với thẻ <h1></h1>
</body>
```





# BỐ CỤC WEBSITE VỚI CSS



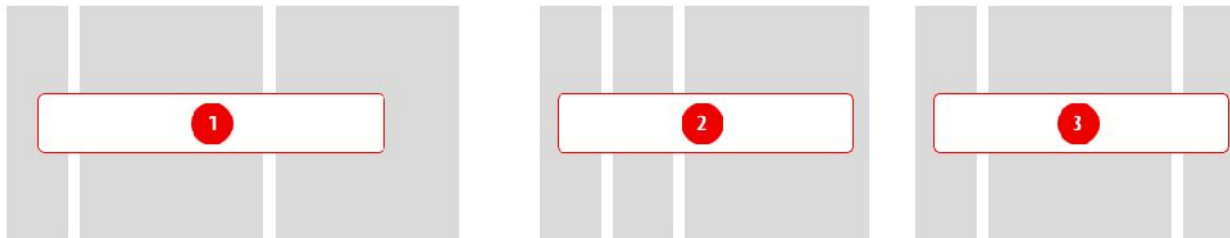
# BỐ CỤC WEBSITE VỚI CSS



- ✓ Layout là bố cục trình bày sắp xếp các thành phần của một trang web
- ✓ Layout website thường chia theo dạng cột

# BỐ CỤC WEBSITE VỚI CSS

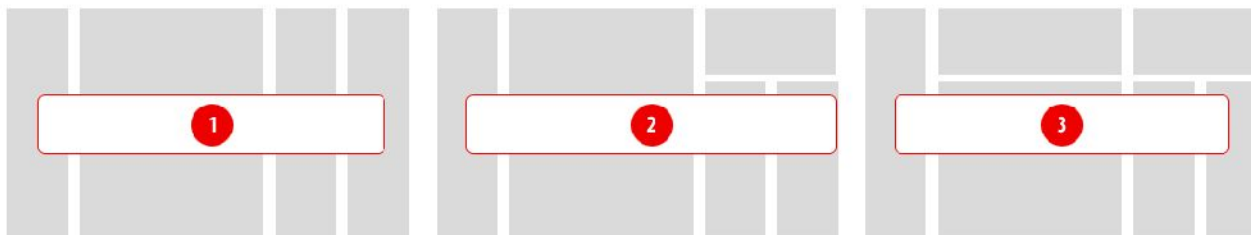
**Bố cục 3 cột**



**Bố cục 2 cột**



**Bố cục 4 cột và dạng phức tạp**



- ✓ HTML (ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản) là ngôn ngữ tạo nên các trang web thông qua các thẻ đánh dấu
- ✓ Thẻ là thành phần đánh dấu văn bản. Nội dung trong thẻ sẽ được trình duyệt xử lý dựa trên thẻ chứa nó
- ✓ CSS là ngôn ngữ đơn giản, hoạt động cùng với HTML để định dạng về mặt hình thức cho trang web
- ✓ Có 3 vị trí để đặt CSS: trong thẻ <head>, cùng dòng với thẻ (inline), ở một file .css bên ngoài
- ✓ Layout là bố cục trình bày sắp xếp các thành phần của một trang web, thường được chia theo dạng cột